

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/DSST

Ngày: 24/12/2020

V/v: T/c Hợp đồng gửi giữ tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI N, TỈNH THÁI N**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phụng  
2. Ông Trần Tuấn Hưởng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái N, tỉnh Thái N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Lý – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2016/TLST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2016, về “Tranh chấp Hợp đồng gửi giữ tài sản” theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXX-ST ngày 13/11/2020, giữa các đương sự:

**N đơn:** Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Tổ 18, phường P Đ P, thành phố Thái N

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H

Địa chỉ: Tổ 17, phường H Văn T, thành phố Thái N

(Có mặt tại phiên tòa)

**Bị đơn:** - Anh Đặng Đức T, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Tổ 23, phường Trung Vương, thành phố Thái N

(Có mặt tại phiên tòa)

- Anh Trần Xuân A, sinh năm 1967

Trú tại: Tổ 10, phường P Đ P, TP. Thái N, Thái N

(vắng mặt tại phiên tòa)

- Anh Nguyễn Huy C, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ 7 (nay là tổ 5), phường T, thành phố Thái N.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ 7 (nay là tổ 5), phường T, thành phố Thái N

(vắng mặt tại phiên tòa)

- Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1987

HKTT: Tổ 2, phường Trung Vương, TP. Thái N, tỉnh Thái N

Hiện đang cải tạo tại Phân trại 2, Trại giam Q T, tỉnh Tuyên Quang

(vắng mặt tại phiên tòa)

- Anh Bùi Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phân trại số 6, Trại giam P, Cục C10

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa bà Hoàng Thị H là đại diện theo ủy quyền của N đơn trình bày:***

Khoảng 20h00 phút, ngày 23/02/2011 anh Nguyễn Ngọc T đi xe mô tô hiệu AIR BLADE biển kiểm soát: 20N3-5525 từ nhà riêng ở tổ 18, phường P, thành phố Thái N đến nhà thi đấu tỉnh Thái N xem ca nhạc trước khi vào xem anh T vào gửi xe máy tại quầy trông xe có anh Đặng Đức T, anh Trần Xuân A, anh Nguyễn Huy C sau này anh T có biết thêm chị H và anh N ở khu vực quảng trường 20/8 thành phố Thái N (nay là Quảng trường Võ N Giáp) gửi xe lấy vé rồi vào xem ca nhạc. Khoảng 22h anh T ra về vào lấy xe và có nhờ các anh trông xe tìm giúp nhưng không thấy. Anh T đến Công an phường Trung Vương trình báo và nộp vé gửi xe, đăng ký xe máy cùng giấy mua xe cho công an phường Trung Vương.

Nay anh T yêu cầu những người trông xe là anh Đặng Đức T, anh Trần Xuân A, anh Nguyễn Huy C, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thành N liên đới bồi thường chiếc xe bị mất là 28.800.000đồng.

***Bản tự khai và lời khai tại phiên tòa anh Đặng Đức T là bị đơn trình bày:*** Vào hồi 19 h ngày 23/02/2011 anh và một số người bạn có rủ nhau tổ chức trông xe tại quảng trường 20/8, thành phố Thái N, điểm biểu diễn ca nhạc tại Trung T dịch vụ thi đấu thể thao Thái N.

Những người tham gia trông xe gồm có: anh Đặng Đức T, anh Trần Xuân A, anh Nguyễn Huy C, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thành N. Hôm đó tại quầy trông xe có làm mất chiếc xe máy AIR BLADE biển kiểm soát 20N3-5525 của anh T đã vào quầy gửi. Anh nhất trí cùng mọi người trông xe hôm đó liên đới bồi thường chiếc xe với giá 28.800.000đ.

***Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Xuân A trình bày:*** Ngày 23/02/2011 tại nhà thi đấu thành phố Thái N có tổ chức buổi ca nhạc những người trông xe gồm có anh và anh Nguyễn Huy C, Đặng Văn Thành, Đặng Văn T, Nguyễn Thành N, chị Nguyễn Thị H cùng tổ chức trông giữ xe tại quảng trường 20-8 (nay là quảng trường Võ N Giáp). Vào hồi 20h30 phút cùng ngày anh T đi cùng người bạn đến gửi xe tại điểm trông xe của các anh, gửi được khoảng 30 phút thì anh T vào quầy lấy xe và báo mọi người là không thấy xe, Các anh đã tìm nhưng không thấy, anh T trình báo đến cơ quan Công an phường Trung Vương về việc mất xe mô tô mang nhãn hiệu Honda BKS 20N355-25.

Mọi người đã thống nhất bồi thường cho anh T 20.000.000đ nhưng anh T không đồng ý.

***Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh C trình bày:*** Vào hồi 19h, Ngày 23/02/2011 tại nhà thi đấu thể thao thành phố Thái N có tổ chức buổi ca nhạc, các anh gồm có anh và anh Trần Xuân A, Đặng Văn Thành, Đặng Văn T, Nguyễn Thành N, chị Nguyễn Thị H cùng rủ nhau trông xe, đến khoảng 20h40 phút có một thanh niên đến nói với anh là anh lấy hộ em chiếc xe BKS 20N3-5225 anh đi tìm cả quây xe không có chiếc xe nào BKS như vậy sau đó anh báo mọi người đi tìm nhưng không thấy. Nay anh xác định có việc tổ chức trông xe và làm mất xe của anh T, những người cùng trông xe đều pH bồi thường, anh C nhất trí bồi thường chiếc xe cho anh T là 10.000.000đ.

***Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày:*** Ngày 23/02/2011 chị và anh Nguyễn Huy C, Đặng Văn Thành, Đặng Văn T, Nguyễn Thành N, Trần Xuân A cùng kết hợp trông xe tại Quảng Trường nay là quảng trường Võ N Giáp. Anh T có vào gửi xe quây chị sau đó đã bị mất xe, chị không nhớ loại xe gì. Nay anh T khởi kiện yêu cầu những người trông xe bồi thường chiếc xe của anh đã mất chị nhất trí cùng những người trông xe hôm đó liên đới bồi thường theo quy định pháp luật.

***Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành N trình bày:*** Vào ngày 23/02/2011 tại nhà thi đấu thể thao thành phố Thái N có tổ chức buổi ca nhạc các anh gồm có anh và anh Nguyễn Huy C, Đặng Văn Thành, Đặng Văn T, Nguyễn Thành N, chị Nguyễn Thị H cùng nhau trông xe và bàn nhau số tiền trông xe chia làm 6 người, tại buổi hôm đó các anh làm mất chiếc xe của anh Nguyễn Ngọc T. Nay anh T yêu cầu những người trông xe bồi thường chiếc xe anh N không nhất trí.

***Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn H trình bày:*** Anh là anh trai vợ của T, vào khoảng tháng 01/2010 em rể là Nguyễn Ngọc T có mua xe vì không có hộ khẩu thường trú tại Thái N nên không đăng ký xe được nên có nhờ anh đi cùng và mua xe, đăng ký xe mang tên anh H, xe máy nhãn hiệu Hon da AIR BLADE, BKS 20N3 -5525 đăng ký xe mang tên Bùi Văn H, số tiền mua xe là do em T trả. Xe thuộc quyền sở hữu của T còn anh H chỉ đứng tên xe. Việc mất xe và yêu cầu bồi thường chiếc xe giữa anh T với những người trông xe không liên quan gì đến anh, nên anh không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, N đơn vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện. Vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án do vắng mặt bị đơn anh C, anh Xuân Anh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị H, anh N và anh H.

*Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- N đơn chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; anh Xuân Anh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị H, anh N và anh H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 25,33 Bộ luật tố tụng dân sự 2004, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 559, 561,562 và 616 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn về việc tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T, Xuân Anh, C, anh N và chị H mỗi người pH chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu những người nhận trông xe làm mất xe mô tô của anh pH liên đới bồi thường cho anh chiếc xe bị mất nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản” theo quy định tại Điều 25 BLTTDS năm 2004 và Điều 559 Bộ luật dân sự năm 2005. Nơi xảy ra tranh chấp thuộc thành phố Thái N và các bị đơn đều có nơi cư trú thành phố Thái N, tỉnh Thái N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái N theo Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004.

[2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn và người có quyền lợi và liên quan: ông Trần Xuân A, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thành N có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; anh Nguyễn Huy C vắng mặt không có lý do tuy nhiên đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án T hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Về nội dung vụ án: Khoảng 20h, ngày 23/12/2011 anh Nguyễn Ngọc T đi xe mô tô hiệu AIR BLADE biển kiểm soát: 20N3-5525 từ nhà riêng ở tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái N đến nhà thi đấu tỉnh Thái N xem ca nhạc, trước khi vào xem anh T vào gửi xe máy tại quầy trông xe có anh Đặng Đức T, anh Trần Xuân A, anh Nguyễn Huy C, chị H và anh Nguyễn Thành N ở khu vực quảng trường 20/8 thành phố Thái N gửi xe lấy vé rồi vào xem ca nhạc. Khoảng 22h anh T ra về có vào lấy xe và nhờ các anh trông xe tìm giúp nhưng không thấy xe. Anh T đến Công an phường Trưng Vương trình báo và nộp vé gửi xe, đăng ký xe máy cùng giấy mua xe cho công an. Chiếc xe mô tô bị mất có nhãn hiệu Hon da AIR BLADE BKS 20N3-5525, đăng ký xe mang tên Bùi Văn

H thuộc quyền sở hữu và sử dụng của anh T vì anh H xác nhận anh chỉ đứng tên hộ anh T nên việc mất xe và yêu cầu bồi thường chiếc xe giữa anh T với những người trông xe không liên quan gì đến anh H. Anh T khởi kiện yêu cầu những người trông xe là anh Đặng Đức T, anh Trần Xuân A, anh Nguyễn Huy C, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thành N liên đới bồi thường chiếc xe bị mất là 28.800.000đồng.

Phía Bị đơn là anh T, anh C, anh Xuân Anh và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh N, chị H cũng đã thừa nhận anh T có đến gửi xe AIR BLADE biển kiểm soát: 20N3-5525 tại quầy trông xe để xem ca nhạc vào tối ngày 23/02/2011 và sau đó đã bị mất xe. Anh C, anh Xuân Anh và chị H nhất trí 6 người là C, anh Xuân Anh, anh N, anh Thành, anh T và chị H liên đới bồi thường chiếc xe theo quy định pháp luật vì cho rằng tại buổi hôm đó có 6 người trông xe nên cùng phải có trách nhiệm như nhau; Anh T nhất trí 5 người là anh T, C, Xuân Anh và chị H liên đới bồi thường chiếc xe giá trị 28.800.000 đồng. Anh Xuân Anh xác định hôm đó anh Thành ra hộ vợ bán hàng nước gần đó và có ra chỗ trông xe chơi chứ không tham gia vào việc trông xe; Anh N không nhất trí bồi thường chiếc xe trên.

Sự việc N đơn mất xe là có thật và đã được báo cho cơ quan cảnh sát điều tra. Theo hồ sơ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái N đã cung cấp sự việc trên đã được cơ quan Công an tiếp nhận và đang giải quyết theo quy định. Các đương sự trình bày đến thời điểm hiện nay vẫn chưa có kết quả điều tra.

Căn cứ vào lời khai của bị đơn anh C, anh Xuân Anh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh N và chị H xác định anh Đặng Minh Thành có tham gia cùng trông xe hôm đó. Tuy nhiên các đương sự đã không cung cấp được địa chỉ, lai lịch của anh Thành và cả N đơn, bị đơn và người liên quan không ai đề nghị đưa anh Thành vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn hay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Quá trình Tòa án đã T hành thu thập tài liệu, chứng cứ và đương sự cung cấp không thể hiện việc anh Thành có tham gia vào việc trông xe cùng và làm mất xe của anh T.

Việc xảy ra mất xe tại khu vực trông xe thuộc phạm vi quản lý của anh C, Xuân Anh, anh T, chị H, anh N và khi vào gửi xe anh T cũng đã được bên nhận trông xe giao vé gửi xe. Do vậy trách nhiệm bồi thường giá trị xe bị mất của anh T là trách nhiệm của những người trông xe tại buổi hôm đó. Theo quy định tại Điều 561 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì bên gửi tài sản có quyền: “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu bên giữ làm mất mát, hư hỏng tài sản gửi giữ trừ trường hợp bất khả kháng...*”. Do đó, N đơn khởi kiện yêu cầu những người trông xe hôm đó bồi thường thiệt hại do làm mất tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Honda mang biển kiểm soát 20N3-5525 là có cơ sở.

Tòa án ra Quyết định định giá tài sản tranh chấp và Hội đồng định giá đã T hành định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da AIRBLADE biển kiểm soát 20N3-5525 xác định giá trị còn lại của chiếc xe mô tô là 28.800.000đồng. Do đó

có cơ sở buộc anh T, Xuân Anh, C, anh N và chị H liên đới bồi thường cho N đơn tổng số tiền 28.800.000đ phù hợp với quy định tại điều 562 Bộ luật dân sự năm 2005. Căn cứ vào lời khai của các đương sự thì những người trông giữ xe hôm đó đều có trách nhiệm và hưởng lợi nhuận từ việc trông xe là như nhau vì vậy trách nhiệm bồi thường của từng người trong việc làm mất xe mô tô của anh T được tính theo phần bằng nhau tương ứng mỗi người bồi thường số tiền 5.760.000đồng là phù hợp với quy định tại điều 616 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về chi phí định giá tài sản: N đơn anh T tự nguyện nộp chi phí định giá tài sản số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, đã thực hiện xong.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T, Xuân Anh, C, anh N và chị H mỗi người pH chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Ngọc T 875.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004623 ngày 01/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái N.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 25, 33 Bộ luật tố tụng dân sự 2004, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 559, 561, 562 và 616 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T về khởi kiện tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản.

Buộc anh Đặng Đức T, Trần Xuân A, Nguyễn Huy C, Nguyễn Thành N và chị Nguyễn Thị H liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc T giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE, biển kiểm soát 20N3-5525 có tổng giá trị 28.800.000đồng (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn). Anh Đặng Đức T, Trần Xuân A, Nguyễn Huy C, Nguyễn Thành N và chị Nguyễn Thị H mỗi người pH bồi thường số tiền 5.760.000đồng (năm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: N đơn anh T tự nguyện nộp chi phí định giá tài sản số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, đã thực hiện xong.

3. Về án phí: Anh T, Xuân Anh, C, anh N và chị H mỗi người pH chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Ngọc T 875.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004623 ngày 01/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái N.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày: Bà H, anh T được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; Anh Xuân Anh, anh C, chị H, anh N, anh Hải

được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhân**



***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhân**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
- THADSTPTN;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhàn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thanh Nhân**

**Nơi nhận:**  
- TAND tỉnh Thái N;  
- VKSNDTPTN;  
- Chi cục THADSTPTN;  
- Các đương sự;  
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đồng Huy Hưởng**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Tú, bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày ngày 10/8/2020, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Thái N HĐXX T hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số:

29/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2020, về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quyết định đ-a vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX-ST ngày 22/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Địa chỉ: Số 77, phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Lê - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đức Khanh - Giám đốc chi nhánh Thái N.

Bị đơn: ông Nguyễn Tuấn Việt, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 1, phường Quang Vinh, thành phố Thái N, tỉnh Thái N

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả hỏi tại phiên tòa cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3 = 100% biểu quyết về những vấn đề sau:

- Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Bị đơn: ông Nguyễn Tuấn Việt, sinh năm 1988

- Về thẩm quyền giải quyết:

Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng đ- ọc quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

- Về áp dụng các Điều luật:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 138, 146, 147, 227, 266, 271, 273, 278, 280, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 các Điều 357, 463, 464, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01.01.2017.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) về khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Tuấn Việt.

Buộc ông Nguyễn Tuấn Việt có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/8/2020, tổng cộng 802.737.817 đồng. Trong đó nợ gốc là 618.750.000 đồng, Nợ lãi là 183.987.817 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Tuấn Việt không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô con, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu Mazda CX5 theo Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 034214 do phòng Cảnh sát giao thông, công an tỉnh

Thái N cấp lần đầu ngày 24/08/2017 mang biên kiểm soát số 20A-229.70 đứng tên ông Nguyễn Tuấn Việt.

Trường hợp ông Việt trả xong nợ thì Ngân hàng pH trả lại Giấy đăng ký xe ô tô cho ông Việt.

**2. Về nghĩa vụ thi hành án:**

Ông Nguyễn Tuấn Việt pH tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 476/2017/HĐTDTDH-CN/SHB.112700 ngày 25/08/2017, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày ông Nguyễn Tuấn Việt trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

**3. Về án phí:** ông Nguyễn Tuấn Việt pH nộp 36.082.134 đồng (Ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, một trăm ba mươi tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước;

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) 17.244.000 đồng (Mười bảy triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai số 0002608 ngày 10/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái N;

**4. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự.** Người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút, ngày 10/8/2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đồng Huy Hưởng**





**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/QĐST-DS

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH TẠM NGỪNG PHIÊN TÒA**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy H- ởng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Trọng Tú, bà Nguyễn Thị Kim Thu

Đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2020, về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

Xét thấy: Cần pH thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái N;

Căn cứ vào Điều 235, Điều 259 của Bộ Luật Tố Tụng dân sự;

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tạm ngừng phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2020, về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quyết định đ-a vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX-ST ngày 22/6/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Địa chỉ: Số 77, phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Lê - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đức Khanh - Giám đốc chi nhánh Thái N.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn Việt, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 1, phường Quang Vinh, thành phố Thái N, tỉnh Thái N

2. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 8 giờ 00 ngày 10/8/2020./.

**Nơi nhận:**

- Các đ-ơng sự;
- VKSND TPTN;
- L-u hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đồng Huy H- ởng**